

Số: /BC-SKHCN

Hưng Yên, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III;
phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2024

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh Hưng Yên: số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 187/KH-UBND ngày 21/12/2023 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2024.

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về Kế hoạch Cải cách hành chính:

Sở KH&CN đã xây dựng và ban hành các Kế hoạch: số 04/KH-SKHCN ngày 24/01/2022 về Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; số 10/KH-SKHCN ngày 17/01/2024 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024. Trên cơ sở đó, Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng nhiệm vụ được phân công.

2. Về công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính

a) Đảng ủy, lãnh đạo Sở đã xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, góp phần hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao của Sở. Do đó, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ, họp giao ban chuyên môn định kỳ hàng tháng, đảng ủy, lãnh đạo Sở đã thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn có liên quan đến các chi bộ, phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở; đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với triển khai các nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Sở đã đề ra.

b) Tiếp tục tuyên truyền, tổ chức triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của Tỉnh về công tác CCHC: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và

đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy xác nhận thông tin cư trú khi thực hiện TTHC; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 17/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương; chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; Kế hoạch số 208-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW giai đoạn 2023-2026; Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2026; Chỉ thị số 05/CT-CTUBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX) tỉnh Hưng Yên năm 2019 và những năm tiếp theo; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và cơ cấu đội ngũ theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2026; số 187/KH-UBND ngày 21/12/2023 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2024; số 40/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về đo lường sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 – 2025; số 192/KH-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh về nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024; số 1238/UBND-NC ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI cấp tỉnh năm 2024; số 2315/UBND-NC ngày 13/8/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ công tác CCHC 6 tháng cuối năm 2024; và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh.

3. Về kiểm tra Cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 26/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 , Sở đã ban hành Kế hoạch số

12/KH-SKHCN ngày 18/01/2024 về kiểm tra CCHC năm 2024 với mục đích: (1) Rà soát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch, kết luận và chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; (2) Kiểm tra, rà soát, đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ CCHC năm 2024; (3) Kiểm tra nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc trong việc tăng cường thực hiện công tác CCHC tại các phòng, đơn vị được giao thực hiện; (4) Kịp thời đánh giá những ưu điểm, tồn tại, hạn chế để đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng công tác CCHC của Sở trong thời gian tới.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh: số 2683/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024; số 193/KH-UBND ngày 26/12/2023 về Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2024, Sở đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-SKHCN ngày 12/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch truyền thông kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024; Kế hoạch số 11/KH-SKHCN ngày 18/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 với các nội dung chính như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các văn bản của Trung ương, của tỉnh đã ban hành liên quan đến công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền công tác xây dựng, tham mưu văn bản QPPL lĩnh vực khoa học và công nghệ; tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác cải cách hành chính trong việc góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuyên truyền về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, phòng chuyên môn trong chỉ đạo, thực hiện công tác CCHC theo quy định... Các hình thức tuyên truyền thông qua họp giao ban định kỳ của cơ quan, đơn vị; trên Cổng thông tin điện tử của Sở và trên Bản tin Khoa học và Công nghệ; tuyên truyền trên Đài PTTH, Báo Hưng Yên, các tổ chức quảng cáo truyền thông có chức năng phù hợp. Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng thông tin điện tử, thường xuyên cập nhật, đăng tải tin bài về CCHC, cải cách TTHC, công khai đầy đủ, rõ ràng, đúng quy định về TTHC, dịch vụ công trực tuyến công dịch vụ công tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, tìm hiểu thông tin.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành

a) Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở đã tham mưu, trình UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

b) Trong kỳ báo cáo, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 06 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN được giao: Số 106/KH-UBND ngày 18/6/2024 về cải thiện và nâng cao Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Hưng Yên; số 1266/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 về việc Phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước, bắt đầu thực hiện năm 2025; số 1676/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 về việc dừng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí, bắt đầu thực hiện từ năm 2025; số 1786/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 về việc giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là kết quả của nhiệm vụ khảo học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; số 1880/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên năm 2024; số 137/KH-UBND tỉnh ngày 30/8/2024 về việc thực hiện Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 278-KH/TU ngày 29/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20 NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật

Thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: số 78/2021/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 ban hành quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 91/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 về Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024, Sở đã xây dựng, ban hành Quyết định số 39/QĐ-SKHHCN ngày 26/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 đảm bảo có trọng tâm trọng điểm, sát với tình hình thực tế của ngành; tổ chức triển khai thực hiện góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của sở, của tỉnh đã ban hành. Trong kỳ báo cáo, Sở đã cử công chức tham gia Hội nghị tập huấn chuyên sâu về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hướng dẫn điều tra, khảo sát về thi hành pháp luật năm 2024; Cử công chức phối hợp tham gia điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 21/KH-SKHHCN ngày 26/01/2024 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024. Ban hành kế hoạch số 71/KH-SKHHCN ngày 20/8/2024 về Phổ biến, tuyên truyền các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại các Kỳ họp thứ 7 và tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về một số vấn đề dư luận quan tâm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các luật, pháp lệnh, văn bản mới thông qua và ban hành, có hiệu lực trong năm 2024; các dự thảo chính sách, pháp luật có tác động đến xã hội; các văn bản, quy định có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, quyền

và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. 100% văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành thuộc lĩnh vực KH&CN được cập nhập, đăng tải nội dung trên Cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ www.khcnhungyen.gov.vn để công chức, viên chức, người lao động, các tổ chức, cá nhân liên quan thuận lợi tra cứu, tìm hiểu, thực hiện góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và lĩnh vực KH&CN nói riêng.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản QPPL

Thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: số 34/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 138/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 ban hành Kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024, Sở đã xây dựng, ban hành Quyết định số 40/KH-SKHCN ngày 26/01/2024 về việc xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2024. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tiến hành rà soát, thống kê các văn bản QPPL do Sở tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ, kịp thời phát hiện mâu thuẫn, chồng chéo, hiệu lực, tính phù hợp trong các văn bản QPPL. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Thực hiện Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024, Sở xây dựng và ban hành Quyết định số 16/QĐ-SKHCN ngày 12/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024 trong giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực KH&CN. Chỉ đạo phòng tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở thường xuyên rà soát, cập nhật quyết định của Bộ KH&CN về việc thay thế, sửa đổi, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ để kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định Công bố danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC được thay thế, sửa đổi, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh nhằm chuẩn hóa, công khai danh mục TTHC và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khai thác, thực hiện giao dịch.

c) Trong kỳ báo cáo, Bộ KH&CN không ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ, do đó, Sở không có cơ sở để tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố

danh mục TTHC và Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn tỉnh.

2.2. Về công khai thủ tục hành chính

Sở tiếp tục duy trì việc công khai danh mục TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC và nghiêm túc thực hiện theo quy định: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, phí, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC,... của 58 TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở trên cổng Thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <http://khenhungyen.gov.vn> và được kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên tại địa chỉ <https://dichvucong.hungyen.gov.vn> tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu, khai thác và thực hiện theo quy định. Trong kỳ báo cáo, tỷ lệ đánh giá mức độ “*Rất hài lòng*” đối với công tác phục vụ hành chính công của Sở nói chung và công chức bộ phận một cửa của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC đạt 100%. Sở không nhận được đơn thư phản ánh, kiến nghị, tố cáo của người dân, tổ chức đối với công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở.

2.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số TTHC thuộc thẩm giải quyết của Sở: 58 thủ tục. Trong đó, 58/58 TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 56/58 TTHC do Sở tham mưu công bố, 02/56 TTHC do sở thực hiện tiếp nhận và giải quyết; số TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ toàn trình là 41/58 thủ tục; số TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ một phần là 17/58 thủ tục;

b) Tiến hành đăng ký TTHC tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo tỷ lệ 51,7% theo quy định. Tính đến hiện tại, tổng số TTHC của Sở tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia là 49/58 thủ tục; 04 thủ tục đang tích hợp và 03 thủ tục không tích hợp được (do tính đặc thù của thủ tục);

2.4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ

a) Sở đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-SKHCN ngày 29/01/2024 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) năm 2024. Theo đó, Sở đã tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ đối với TTHC *Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế*. Sở đã tiến hành triển khai phương án đơn giản hóa đã được phê duyệt đến các tổ chức, cá nhân có liên quan, đồng thời, chuyên bị tốt các điều kiện để tiếp nhận, giải quyết khi có hồ sơ.

b) Thực hiện Công văn số 1544/UBND-PVHCC&KSTT ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc xác định TTHC nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Sở đã tiến hành rà soát và xác định Danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ gửi Văn phòng UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Kiểm soát

2.5. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

a) Công chức, viên chức Bộ phận một cửa của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và kiểm soát TTHC thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đăng ký tài khoản; sử dụng tài khoản định danh điện tử VneID trong khi thực hiện TTHC; hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến theo quy định. Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến theo đúng quy định, không để hồ sơ tồn đọng chuyển sang ngày hôm sau. Trong kỳ báo cáo 100% các hồ sơ TTHC có thời gian không quá 8 giờ làm việc của Sở được giải quyết đúng và trước hạn.

b) Quý III năm 2024, Sở đã tiếp nhận 170 hồ sơ TTHC (tiếp nhận trong kỳ 169 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang 01 hồ sơ), đã giải quyết 162 hồ sơ, 08 hồ sơ đang giải quyết (trong hạn). 100 % hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả bằng và thanh toán phí, lệ phí hình thức trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước đúng và trước hạn đạt tỷ lệ 100%.

c) Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức trong trường hợp để xảy ra tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC (tài liệu là các văn bản xin lỗi thực hiện đúng theo yêu cầu quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2028 của Văn phòng Chính phủ). Trong kỳ báo cáo, Sở không nhận được đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước thuộc Sở.

2.6. Thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

a) Ban hành các công văn: số 541/SKHCCN-VP về việc góp ý danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với TTHC cấp tỉnh gửi Bộ KH&CN. Theo đó, Sở đã đề xuất bỏ 01 thành phần hồ sơ đối với 01 TTHC cấp tỉnh; số 651/SKHCCN-VP ngày 16/8/2024 về việc triển khai các nhiệm vụ CCHC 6 tháng cuối năm 2024. Trong đó tập trung đẩy mạnh công tác số hóa, làm sạch dữ liệu gắn với số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC gắn với công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC theo hướng tái sử dụng dữ liệu đã số hóa, chia sẻ dữ liệu đã số hóa theo quy định.

b) Trong kỳ báo cáo, 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở đã được số hóa nhằm tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cho các lần thực hiện TTHC sau này.

2.7. Cung cấp dịch vụ công toàn trình

Trên cơ sở Quyết định số 218/QĐ-BKHCCN ngày 29/02/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, Sở đã ban hành Công văn số 188/SKHCCN-VP ngày 22/3/2024 về thực hiện TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ. Theo đó, cung

cấp thêm 12 TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ toàn trình của sở là 41/58 TTHC, đạt tỷ lệ 70,7%.

2.8. Triển khai thanh toán trực tuyến

Thực hiện Công văn số 34/PVHCC&KSTT-HCTH ngày 21/4/2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính về việc hướng dẫn thực hiện thanh toán trực tuyến khi nộp hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Sở đã ban hành công văn số 651/SKHCHN-VP ngày 16/8/2024 về việc triển khai các nhiệm vụ CCHC 6 tháng cuối năm 2024, trong đó, đã lồng ghép công tác chỉ đạo thanh toán trực tuyến. Đồng thời, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các công văn như: số 289/SKHCHN-VP ngày 24/4/2024 về thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cải cách, kiểm soát TTHC và thực hiện dịch vụ công trực tuyến; số 139/SKHCHN-VP ngày 01/3/2024 về triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024. Tính đến thời điểm hiện tại, Sở có 16/58 TTHC có phát sinh nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí). Trong đó, 100% thủ tục được thực hiện bằng hình thức thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công tỉnh Hưng Yên đảm bảo theo quy định. Tỷ lệ hồ sơ phát sinh thanh toán trực tuyến của Sở đạt khoảng 30% trên tổng số TTHC thực hiện cung cấp thanh toán bằng hình thức trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở; rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

Sở KH&CN hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BKHCHN ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên. Hiện tại cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu tổ chức bộ máy như sau:

a. Lãnh đạo Sở

b. Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở

- Văn phòng (bao gồm công tác kế hoạch - tài chính);
- Thanh tra Sở (bao gồm công tác pháp chế);
- Phòng Quản lý Khoa học;

- Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;

c. Tổ chức hành chính trực thuộc Sở: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

d. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

đ. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở: Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ.

3.2. Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: số 34/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về việc tạm giao biên chế công chức, lao động hợp đồng năm 2024 trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh; số 87/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 về việc tạm giao số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh năm 2024. Sở đã ban hành Quyết định tạm giao biên chế công chức, tạm giao biên chế sự nghiệp và lao động hợp đồng cho đơn vị thuộc, trực thuộc Sở (các Quyết định số: 04/QĐ-SKHHCN ngày 09/01/2024; số 21/QĐ-SKHHCN ngày 16/01/2024; số 22/QĐ-SKHHCN ngày 16/01/2024) đồng thời chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả biên chế được giao; tổ chức sắp xếp, bố trí sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo đúng quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Về biên chế hành chính: Tổng số biên chế công chức được giao 36 biên chế, trong đó:

- Cơ quan Sở: 24 biên chế; hiện có mặt: 24 biên chế.

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 12 biên chế; hiện có mặt: 12 biên chế.

b) Về số lượng người làm việc: Tổng số lượng người làm việc được giao: 32 người, trong đó:

- Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ: 15 người, hiện có mặt 15 người.

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 17 người (05 lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước và 12 người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp); hiện có mặt 15 người; còn thiếu 02 người.

c) Về lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 12 người, trong đó:

- Cơ quan Sở: 04 người

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 02 người

- Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ: 03 người

- Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 03 người.

d) Thực hiện quy định về tinh giản biên chế

- Tổng số biên chế được giao năm 2015: 43 biên chế

- Tổng số biên chế được giao năm 2024: 36 biên chế
- Số biên chế đã tinh giảm: 07 biên chế (tỷ lệ 16,2%).
- Giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước:
 - + Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2022: 32 người, trong đó: 22 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước; 12 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp;
 - + Tổng số lượng người làm việc được giao, tạm giao năm 2024: 32 người, trong đó: 15 người hưởng lương từ ngân sách; 17 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp;
 - + Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024: giảm 05 người so với năm 2022 (tỷ lệ đạt 22,7%)

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ

Chỉ đạo, quán triệt các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nghiêm Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên. Việc phân cấp, ủy quyền quản lý công tác tổ chức, cán bộ đã nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan được phân cấp, ủy quyền; đặc biệt đối với các lĩnh vực thực hiện thường xuyên, định kỳ như: quy hoạch, bổ nhiệm, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức. Thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên (được thay thế bằng Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh khi có hiệu lực vào ngày 20/3/2024), Sở tiến hành rà soát, sắp xếp kiện toàn cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo đúng quy định; thực hiện nâng lương, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức được Sở thực hiện đúng quy trình, đầy đủ, kịp thời.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

a) Thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 quy định về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên; số 06/2024/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ; số 34/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 về việc tạm giao biên chế công chức, người lao động năm 2024 trong các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Hưng Yên, Sở đã phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và ban hành Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, biên chế công chức và lao động hợp đồng của Sở Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2024-2026 làm cơ sở quy định bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm; sản phẩm, kết quả đầu ra vị trí

việc làm; xây dựng kế hoạch biên chế, đào tạo, bồi dưỡng; sắp xếp, bổ nhiệm, luân chuyển,... theo quy định.

b) Ban hành Quyết định số 104/QĐ-SKHHCN ngày 05/4/2024 về ban hành Quy định bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm; sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra theo vị trí việc làm của công chức, lao động hợp đồng thuộc Cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2024-2026. Chỉ đạo Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành Quyết định số 26/QĐ-TTKTTCĐLCL ngày 23/4/2024 về Quy định sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra của từng vị trí việc làm viên chức và người lao động.

4.2. Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

Trong kỳ báo cáo, Sở không thực hiện tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

4.3. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động

Thực hiện chỉ đạo củ Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại Công văn số 82-CV/BCSD ngày 29/3/2024 về tiếp tục thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác năm 2024, Sở KH&CN đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-SKHHCN ngày 26/4/2024 về luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024. Việc nâng lương, khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện công khai, dân chủ theo quy định nên đã tạo được sự đồng thuận cao trong nội bộ cơ quan, không có trường hợp nào khiếu nại. Trong kỳ báo cáo, Sở đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Sở đối với đồng chí Nguyễn Thái Kiều Ngân; bổ nhiệm lại chức vụ Phó Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng đối với đồng chí Đào Mạnh Hùng; hoàn thiện hồ sơ, trình cấp thẩm quyền xem xét chuyển công tác đối với 01 công chức thuộc Sở.

4.4. Việc chấp hành các quy định của pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức

Công chức, viên chức và người lao động của Sở luôn chấp hành nghiêm các quy định, quy chế về chế độ trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, phong cách lối sống, quy tắc ứng xử, văn hóa nơi công sở; thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế trong cơ quan, cụ thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm cấp dưới phục tùng cấp trên, chỉ đạo và chấp hành nghiêm các quyết định của cấp trên; thực hiện nghiêm chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, đơn vị. Qua đó, đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm và việc chấp hành của cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong việc giao tiếp, ứng xử với nhân dân, đồng nghiệp và trong thi hành công vụ, tạo nét đẹp văn hóa nơi công sở, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, chính quyền trong sạch vững mạnh.

4.5. Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 785/SNV-CCVC ngày 15/6/2023 về xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

năm 2024, Sở đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 68/KH-SKHHCN ngày 05/7/2023 về đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức năm 2024 và triển khai thực hiện theo các nội dung đã đề ra nhằm tạo điều kiện cho công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ. Trong kỳ báo cáo, Sở đã cử 03 lãnh đạo Sở tham gia lớp bồi dưỡng chuyên viên cao cấp; 03 công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị; 02 công chức tham gia lớp bồi dưỡng thanh tra viên; 03 công chức tham gia lớp bồi dưỡng chuyên viên chính; cử trên 50 lượt công chức, viên chức tham gia tập huấn phổ biến, hướng dẫn nghiệp vụ công tác nội vụ, CCHC, Chỉ số DDCI và các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2024. Thực hiện hướng dẫn của Sở Nội vụ, Sở đã ban hành Công văn số 700/SKHHCN-VP ngày 04/9/2024 về việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức năm 2025. Theo đó, năm 2025, Sở đăng ký và tổ chức 10 lớp tập huấn với số lượng 820 người.

5. Cải cách tài chính công

a) Công tác cải cách tài chính công tiếp tục được thực hiện, bám sát hướng của Sở Tài chính Hưng Yên về việc tăng cường công tác quản lý tài chính, ngân sách trên địa bàn tỉnh. Việc lập, thẩm định dự toán được thực hiện bám sát quy định của Bộ Tài chính và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn định mức hiện hành của Nhà nước, của tỉnh. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, kém hiệu quả, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết quan trọng và khả năng triển khai thực hiện; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

b) Việc giao, phân bổ, công khai dự toán thu chi ngân sách năm 2024 đảm bảo đúng nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định của pháp luật. Công tác thanh toán, quyết toán chi NSNN đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ định mức hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 51/QĐ-SKHHCN ngày 31/01/2024 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với Cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Công tác lập, thẩm định dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 395/2023/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Qua thẩm định, tổng kinh phí dự toán sau thẩm định giảm so với đề xuất của đơn vị 10-15%. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện bám sát với tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng nguyên tắc, hồ sơ theo quy định. Sở đã tiến hành xét duyệt dự toán và cấp kinh phí đợt I năm 2024 thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo theo quy định. Thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 tại Quyết định 270/QĐ-SKHHCN ngày 20/8/2024.

d) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức tại cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước: Đảm bảo 04/04 đơn vị (02 đơn

vị hành chính, 02 đơn vị sự nghiệp) xây dựng, ban hành và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Việc xây dựng, ban hành quy chế được thực hiện đảm bảo đúng trình tự thủ tục; công khai, minh bạch và phát huy vai trò của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tiếp tục ban hành theo phân cấp hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành bổ sung tiêu chuẩn, định mức ô tô, máy móc, trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở (Quyết định số 246/QĐ-SKHHCN ngày 01/8/2024 của Giám đốc Sở KH&CN Quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ). Không phát sinh hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện, kiểm tra định mức, tiêu chuẩn chế độ quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch của Sở đã ban hành: số 16/KH-SKHHCN ngày 18/02/2021 về ứng dụng Công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025; số 27/KH-SKHHCN ngày 21/3/2022 về chuyển đổi số trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 02/KH-SKHHCN ngày 03/01/2024 về chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024.

b) Tiếp tục triển khai Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 28/2/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1159/STTTT-BCVTCNTT ngày 20/8/2024, Sở đã ban hành Công văn số 710/SKHHCN-VP ngày 09/9/2024 về việc đề xuất nhiệm vụ trọng tâm thực hiện chuyển đổi số năm 2025 gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo theo quy định. Theo đó, Sở đã đề xuất nhiệm vụ: Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

c) Ban hành Công văn số 582/SKHHCN-VP ngày 15/7/2024 về cử công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Chuyển đổi số, An toàn thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông triệu tập. Xây dựng báo cáo và Giấy mời số 52/GM-SKHHCN ngày 15/7/2024 tiếp và làm việc với Đoàn Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chuyển đổi số đối với công tác chuyển đổi số năm 2024 của Sở. Qua kết quả đánh giá của Đoàn Kiểm tra, công tác chuyển đổi số của Sở đã thực hiện đầy đủ, cơ bản đảm bảo quy định của tỉnh.

d) Công tác đảm bảo an toàn thông tin được triển khai thường xuyên. Triển khai phương án đảm bảo an toàn, an ninh đối với các hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ. Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của Sở Khoa học và công nghệ; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng. Sở có 04 hệ thống thông tin: Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN, Trang thông tin điện tử Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sàn giao dịch công nghệ tỉnh

Hung Yên, Hệ thống mạng nội bộ (LAN) đã được Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt cấp độ an toàn mức độ 2. Ban hành Công văn số 663/SKHCN-VP ngày 20/8/2024 về việc đăng ký phần mềm diệt virus bản quyền năm 2024. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. Triển khai chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản đi đến; duy trì và thường xuyên đăng tải 29 bài viết về công tác CCHC lên Cổng thông tin điện tử của Sở.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2024

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; các Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 184/KH-UBND ngày 07/12/2021 về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 187/KH-UBND ngày 21/12/2023 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2024; Kế hoạch số 10/KH-SKHCN ngày 17/01/2024 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan đến công tác CCHC nhà nước.

2. Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật, tham mưu xây dựng và trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành; tiếp tục rà soát các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở KH&CN; tham mưu chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế hoặc bãi bỏ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính phù hợp với quy định và tình hình thực tế của tỉnh.

3. Đẩy mạnh công tác hiện đại hóa nền hành chính theo hướng ứng dụng CNTT trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nền hành chính. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng (100% văn bản trừ văn bản mật được ký số điện tử) và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Công văn số 2283/UBND-PVHCC&KSTT ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai

thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo văn bản chỉ đạo của tỉnh: Kế hoạch số 208-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW giai đoạn 2023-2026; Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2026; Chương trình hành động số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế gắn với sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và cơ cấu đội ngũ theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2026... và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các phòng, đơn vị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức phù hợp với các Nghị định: số 107/2020/NĐ-CP; số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh về vị trí, chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn liên quan.

Sở Khoa học và Công nghệ gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, VP^{XT}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Hải

Phụ lục**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo báo cáo số: /BC-SKHCHN ngày /3/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC	Kế hoạch	01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	06/07	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	15	
1.2.	Kiểm tra CCHC và nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công	Kế hoạch	01	
1.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	Quý III, IV năm 2024
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	31	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	31	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Công văn số 319/SKHCHN-VP ngày 03/5/2024 gửi Sở Nội vụ về lập danh sách điều tra XHH năm 2024
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	60	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	Sở Nội vụ thực hiện trên cơ sở 60 cá nhân Sở KH&CN gửi tại Công văn số 319/SKH-CN-VP ngày 03/5/2024
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	58	
	Số TTHC các sở, ban, ngành:	Thủ tục	58	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	58	
3.2.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến		16	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		58	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0/58	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	12/56	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ghi rõ số lượng)	%		Thực hiện báo cáo tại Sở Tài nguyên và Môi trường, cấp huyện, cấp xã (Cấp huyện báo cáo cho cấp xã)
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ghi rõ số lượng)	%		Thực hiện báo cáo tại Sở Xây dựng, cấp huyện, cấp xã (Cấp huyện báo cáo cho cấp xã)
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số phòng chuyên môn trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	04	
4.1.2.	Số ban, chi cục, trung tâm trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	03	01 Trung tâm trực thuộc Chi cục

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do sở, ban, ngành tham mưu thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	Chỉ báo cáo các tổ chức vẫn đang hoạt động (VD: Ban Chỉ đạo, Đoàn kiểm tra...)
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành	Cơ quan, đơn vị	02	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	36	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	36	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	12	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	16,2%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	32	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	30	Còn thiếu 02 người tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				lượng Chất lượng
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ phần trăm đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số phòng chuyên môn và tương đương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan, đơn vị	04	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (tính cả các đơn vị đã thực hiện rà soát VTVL khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ)	Cơ quan, đơn vị	03	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	Cấp huyện báo cáo nội dung này
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền)		0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến			
7.2.1	Hệ thống hợp trực tuyến	Chưa có = 0 Đã có = 1	1	
7.2.2	Liên thông từ UBND cấp huyện đến 100% cấp xã	Chưa hoàn thành = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	Thực hiện báo cáo trên hệ thống phần mềm báo cáo UBND tỉnh; Bộ KH&CN

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				và Văn phòng Chính phủ (Báo cáo KS TTHC)
7.3.	Số lượng tin, bài về nội dung công tác cải cách hành chính được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	29	
7.4.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		1.913	Trong đó, 1.410 văn bản đến; 503 văn bản đi
7.4.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa kết nối = 0 Đã kết nối = 1	1	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
7.4.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	503	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	95,6	
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	1	Trừ các văn bản mật
7.5.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được nhập số liệu hoàn toàn trên phần mềm	%	100	
7.5.2.	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã nhập 100% hồ sơ giải quyết TTHC trên phần mềm	%		Cấp huyện báo cáo cho cấp xã
7.6.	Dịch vụ công trực tuyến		58	
7.6.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến một phần	TTHC	17	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.6.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình	TTHC	41	
7.6.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến một phần	%	82,2	
7.6.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình	%	17,8	